

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 10-01-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Ông Lê Hoàng Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐHPT-Ds ngày 12/11/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 46/2018/QĐTNPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2018 và thông báo mở lại phiên tòa số 06/2018/TB-TAH ngày 26 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CSXH.

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1982, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền

số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016 – có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1964 (chồng bà Liên – có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2018 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Ngọc T trình bày:

Vào ngày 03/11/2011 bà Đặng Thị L (sau đây gọi tắt là bà Liên) ký hợp đồng vay số 5800163205 vay của Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang số tiền 10.000.000 đồng, theo trương trình cho vay học sinh sinh viên. Thời hạn cho vay 48 tháng, lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/07/2017. Mục đích vay vốn là để trang trải chi phí học tập cho con bà Liên là Huỳnh Hoài Tâm. Tính đến ngày 10/01/2019 bà Liên còn nợ Ngân hàng CSXH số tiền 13.041.416 (trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi là 3.041.416 đồng).

Ngày 13/11/2013 bà Liên tiếp tục vay Ngân hàng CSXH, theo khế ước số 6000005800194583 số tiền 19.900.000 đồng, theo trương trình cho vay học sinh sinh viên. Thời hạn cho vay 48 tháng, lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/11/2017. Mục đích vay là để trang trải chi phí học tập cho con bà Liên là Huỳnh Tuyết Trinh. Tính đến ngày 10/01/2019 bà Liên còn nợ Ngân hàng CSXH số tiền 25.910.703 (trong đó nợ gốc là 19.900.000 đồng, nợ lãi là 6.010.703 đồng). Đến nay số nợ trên đã quá hạn.

Ngày 16/7/2015 bà Liên tiếp tục vay Ngân hàng CSXH, theo khế ước số 6600000705033672 số tiền 12.000.000 đồng, theo trương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,975%/tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/7/2020. Mục đích vay là để xây cây nước và làm vệ sinh. Tính đến ngày 10/01/2019 bà Liên còn nợ Ngân hàng CSXH số tiền 15.162.849 (trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng, nợ lãi là 3.162.849 đồng).

Hiện bà Liên còn nợ Ngân hàng CS số tiền gốc của 03 hợp đồng vay là 41.900.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/01/2019 là 12.214.968 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 54.115.000 đồng. Từ khi vay cho đến nay bà Liên không thực

hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng CS theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Đại diện Ngân hàng CSXH có kết hợp với Tổ tiết kiệm vay vốn, Ban lãnh đạo ấp Vĩnh Thạnh, và UBND xã Vĩnh Hòa đến nhà bà Liên để đơn đốc trả nợ nhưng bà Liên vẫn không trả nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Ngọc T yêu cầu bà Liên và ông Huỳnh Văn P (chồng bà Liên, sau đây gọi tắt là ông Phú) trả cho Ngân hàng CSXH tổng số tiền gốc và lãi là 54.115.000 đồng, trong đó nợ gốc là 41.900.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/01/2019 là 12.214.968 đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2018 vợ chồng bà Đặng Thị L, ông Huỳnh Văn Phú trình bày: Vợ chồng bà Liên, ông Phú thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng CSXH (chi nhánh tỉnh Kiên Giang) tổng cộng ba lần vay số tiền gốc là 41.900.000 đồng (bốn mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) và đồng ý trả lãi theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng bà Liên, ông Phú xin được trả dần số nợ trên theo hình thức hai tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân tên Tân (bản sao); sổ vay vốn Đặng Thị Liên (phô tô); biên bản làm việc ngày 27/12/2017 (bản sao); đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 23/6/2018; quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ (bản sao), quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án (bản sao) bà bản tổng hợp nợ của khách hàng vay vốn ngày 08/01/2019.

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 24/12/2018 của bà Đặng Thị L, ông Huỳnh Văn P, Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/01/2019 của bà Liên, ông Phú.

Tài liệu Tòa án thu thập: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Đặng Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P (chồng bà Liên) có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/01/2019 vì lý do đi làm thuê. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Liên, ông Phú.

[2]. *Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng CSXH với bị đơn bà Đặng Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Cụ thể Ngân hàng CSXH yêu cầu vợ chồng bà Liên, ông Phú trả tiền vay gốc của 03 hợp đồng vay còn thiếu là 41.900.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 10/01/2019 là 12.214.968 đồng,

tổng cộng gốc và lãi là 54.115.000 đồng.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hợp đồng tín dụng số 5800163205 ngày 03/11/2011 bà Đặng Thị L vay của Ngân hàng CSXH số tiền là 10.000.000 đồng, để trang trải chi phí học tập cho con bà Liên là Huỳnh Hoài Tâm. Đến nay đã quá hạn nên Ngân hàng CSXH đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 13/07/2017; Đến ngày 13/11/2013 bà Liên tiếp tục vay của Ngân hàng CSXH theo khế ước số 6000005800194583 với số tiền 19.900.000 đồng, để trang trải chi phí học tập cho con bà Liên là Huỳnh Tuyết Trinh, khoản nợ này đã quá hạn, Ngân hàng CS đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 13/11/2017; Ngày 16/7/2015 bà Liên tiếp tục vay Ngân hàng CSXH, theo khế ước số 6600000705033672 với số tiền 12.000.000 đồng, theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Hiện bà Liên còn nợ Ngân hàng CSXH tiền gốc là 41.900.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/01/2019 là 12.214.968 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 54.115.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2018 của vợ chồng bà Đặng Thị L, ông Huỳnh Văn P thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng CSXH (chi nhánh tỉnh Kiên Giang) nhiều lần, hiện còn nợ số tiền gốc là 41.900.000 đồng. Vợ chồng bà Liên, ông Phú đồng ý trả gốc và lãi cho Ngân hàng CS theo hợp đồng vay đã ký.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong 03 hợp đồng tín dụng bà Liên vay của Ngân hàng CS, thì 02 hợp đồng tín dụng bà Liên vay theo chương trình học sinh sinh viên đến nay đều đã quá hạn nhưng bà Liên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CSXH theo hợp đồng các bên đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, vì vậy Ngân hàng CSXH khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Liên, ông Phú thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Đối với hợp đồng vay số 6600000705033672 ngày 16/7/2015 bà Liên vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường đến ngày 13/7/2020 mới hết hạn trả nợ cuối cùng, nhưng trong quá trình sử dụng vốn vay bà Liên không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hợp đồng vay, không trả nợ gốc và lãi theo định kỳ, vì vậy Ngân hàng CSXH có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2018 vợ chồng bà Liên, ông Phú cũng đồng ý trả gốc và lãi của 03 hợp đồng vay theo hợp đồng vay đã ký. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng bà Liên và ông Phú phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CS tổng số tiền vay gốc của 03 hợp đồng là 41.900.000 đồng và tiền

lãi (tính đến ngày 10/01/2019) là 12.214.968 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 54.115.000 đồng.

Về thời hạn trả nợ: Tại bản tự khai ngày 24/12/2018 vợ chồng bà Liên, ông Phú xin nợ cho Ngân hàng CS với hình thức hai tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Ngọc T không đồng ý với hình thức trả nợ như trên. Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *“Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành”*. Do đó, việc vợ chồng bà Liên, ông Phú xin trả nợ cho Ngân hàng CSXH với hình thức hai tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Vợ chồng bà Liên, ông Phú phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.705.000 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

Ngân hàng CSXH thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH (người đại diện theo ủy quyền ông Trương Ngọc T) đối với bị đơn bà Đặng Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng bà Đặng Thị L, ông Huỳnh Văn P chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng CSXH – Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng (người

đại diện theo ủy quyền ông Trương Ngọc T) các khoản nợ sau:

- Nợ hợp đồng vay số 5800163205 ngày 03/11/2011 (vay chương trình học sinh sinh viên) là 13.041.416 đồng (mười ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm mười sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi (tính đến ngày 10/01/2019) là 3.041.416 đồng.

- Nợ hợp đồng vay số 6000005800194583 ngày 13/11/2013 (vay theo chương trình học sinh sinh viên) là 25.910.703 (hai mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn bảy trăm lẻ ba đồng). Trong đó nợ gốc là 19.900.000 đồng, nợ lãi là 6.010.703 đồng.

- Hợp đồng vay số 6600000705033672 ngày 16/7/2015 (vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường) là 15.162.849 đồng, trong đó nợ gốc là 12.000.000 đồng, nợ lãi là 3.162.849 đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi vợ chồng bà Liên, ông Phú chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng CS đối với 03 hợp đồng vay là 54.115.000 đồng (năm mươi bốn triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Các bên trực tiếp giao nhận tiền tại Ngân hàng CSXH – Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là từ ngày 11/01/2019) vợ chồng bà Liên, ông Phú còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng bà Liên, ông Phú phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.705.000 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

Ngân hàng CSXH thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo

được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh